

Universal Multiple-Octet Coded Character Set

Doc Type: Working Group Document
 Title: Corrections of existing kVietnamese values
 Source: Vietnam
 Status: National Body Proposal
 Authors: Lee Collins and Alexandre Lê
 Action: For consideration by the UTC
 Date: 2023-10-19

Summary

There are 166 kVietnamese values that have contain erroneous or incomplete Hán-Nôm readings. We have checked these against five major references for Nôm and compiled a file containing our suggested corrections.

The five works used to validate readings are:

Bảng Tra Chữ Nôm. Hồ Lê, ed. Hà Nội, 1976.

Dictionarium Anamitico-Latinum. J. L. Taberd. Serampore, 1838.

Giúp đọc Nôm và Hán Việt, Father Anthony Trần Văn Kiệm, Đà Nẵng 2004.

Tự Điển Chữ Nôm (字喃字典). Takeuchi Yonosuke (竹内与之助). Tokyo, 1988.

Tự Điển Chữ Nôm Dẫn Giải. Nguyễn Quang Hồng. Hà Nội. 2014

Below is a table of the changes, showing the current values, values to be removed, and additions. “_” indicates “no valued.”

A separate tsv file showing the proposed new values accompanies this document to facilitate integration.

Char	Code	Current	Removals	Additions
𠬞	U+5F50	kí mự	—	kẹ kẹ
担	U+62C5	đam đăm đăn đản đằm tạ	—	dứt đản đét
接	U+633C	noa nổi	—	nhôi noi nổi nổi nuôi
更	U+66F4	xâu canh	xâu	cành cánh ngạch
東	U+6771	hốc đông	hốc	đang
粒	U+67C6	củi sập	củi	—
柑	U+67D1	đàn cam	đàn	cùm
柿	U+67FF	niêu thị	niêu	—
栗	U+6817	niêu lật	niêu	lật lứt rất rứt rứt sặt sặt
校	U+6821	đẳng hiệu	đẳng	sựt trật
案	U+6848	duyên án	duyên	chò giầu
棍	U+68CD	điêm côn	điêm	an yên
棟	U+68DF	nhắm đồng	nhắm	gon gòn
棧	U+68E7	suông sần	suông	chổng đồng đúng giống
榔	U+6994	tóm lang	tóm	sạn sến
穀	U+6996	kéo cóc	kéo	lăng trang
榜	U+699C	xách bàng	xách	—
				bảng bàng băng băng
				bảng băng bưng bưng

梲	U+6A33	đẻo giảm	đẻo	vàng
櫟	U+6A81	day lằm	day	tằm
櫟	U+6AAC	quạt muông	quạt	bắm
欄	U+6ACA	hàn gác	hàn	môm mông muỗm
欄	U+6B04	đan lan	đan	—
歆	U+6B46	cẩn hằm	cẩn	giàn lang lán lơn lườn ràn
				ham hám hằm hằm hằm
				hom hôm hỏm hum
死	U+6B7B	phơi tử	phơi	tợ
殃	U+6B83	trưa ương	trưa	—
殘	U+6B98	đêm tàn	đêm	thàn
殼	U+6BBC	nôi xác	nôi	—
每	U+6BCF	dầm mỗi	dầm	hỏi mỗi mọi mủ mủi mủi
毬	U+6BEC	choác cầu	choác	—
水	U+6C34	héo thủy	héo	—
汐	U+6C50	đập tách	đập	tịch
汕	U+6C55	khung sườn	khung	sán són
汰	U+6C70	về thảy	về	sươi thái thãi thảy
汲	U+6C72	cụm ngập	cụm	bập cấp
沒	U+6C92	mớ một	mớ	một
沖	U+6C96	khem trong	khem	trùng xung
沙	U+6C99	vành sa	vành	nhều sà xa xoa
沱	U+6CB1	săng đờ	săng	đà đừ
泥	U+6CE5	nhân nề	nhân	lầy ne nề nề nề nề nề
				nơi
泪	U+6CEA	thớt lệ	thớt	—
洁	U+6D01	thợ cát	thợ	khiết
洪	U+6D2A	suyền hồng	suyền	hòng
洲	U+6D32	chông chao	chông	châu
涇	U+6D37	sờ xối	sờ	—
洳	U+6D96	rang rị	rang	lị rị
澳	U+6DDF	sượng đến	sượng	—
減	U+6DE2	thối vực	thối	vặc
渭	U+6E2D	ngan vây	ngan vây	vấy vĩ vị vời vợi
漈	U+6E48	sói mù	sói	—
澆	U+6F86	khú nhào	khú	kiêu nhau nhiều
澎	U+6F8E	dề bành	dề	bênh
激	U+6FC0	váng kích	váng	kích
濕	U+6FD5	lậu thấp	lậu	đáp nhấp thắm
瀾	U+703E	nhắm làn	nhắm	lan lượn ràn tràn trơn
灑	U+7051	ngờ rọi	ngờ	rạy rởi rưởi sái sọi
炊	U+708A	tròn sôi	tròn	xôi xuy xúy
炖	U+7096	đoái đun	đoái	don đôn
炳	U+70B3	đòng bính	đòng	bánh
煜	U+7185	đào ùn	đào	un
嫌	U+7191	mũi rim	mũi	—
燎	U+71CE	díp liệu	díp	leo riu
爐	U+7210	chùa lò	chùa	lò lư tro
牆	U+7246	teo tường	teo	—

牟	U+725F	rậm màu	rậm	mào mau mâu màu mỗ muru
狼	U+72FC	lừa lang	lừa	—
猿	U+733F	rô vượn	rô	viên
獄	U+7344	đong ngục	đong	—
獅	U+7345	tép sư	tép	—
玳	U+73B3	ngan đòi	ngan	đại
玷	U+73B7	dễ điểm	dễ	đém
珥	U+73E5	yến nhẹ	yến	lệ nhĩ nhị
瑁	U+7441	cười môi	cười	mao mạo mùi
瑤	U+7464	rơm dao	rơm	—
璃	U+7483	rể li	rể	lê ly
瓊	U+74CA	sừng quỳnh	sừng	quành quạnh quảng quên quỳnh
盜	U+74F7	dậu sứ	dậu	tư từ
甘	U+7518	bả cam	bả	—
畜	U+755C	chuối súc	chuối	róc sộc sục xộc
畢	U+7562	đứt tất	đứt	—
番	U+756A	dẻo phen	dẻo	phan phiên phiến
痕	U+75D5	nốt ngắn	nốt	hần ngắn ngân ngắn ngắn
癆	U+7646	còm lao	còm	—
瘡	U+7650	quặm hủi	quặm	hội
百	U+767E	vầu bách	vầu	bá trăm
皋	U+768B	đậu cau	đậu	cao
盆	U+76C6	phơ bồn	phơ	bồn bộn bùn buồn đồn vồn
盲	U+76F2	xồm manh	xồm	—
看	U+770B	trầu khan	trầu	khán khản khăn khen khốn
眭	U+772D	vờ khoé	vờ	huy khoé
眼	U+773C	cua nhãn	cua	nhãn nhận nhẩn nhờn
睽	U+7752	cò gườm	cò	gườm thiểm
瞑	U+7791	thần manh	thần	minh
瞳	U+77B3	chàng trông	chàng	đồng
臚	U+77D1	kẻ lờ	kẻ	lư lừ
矢	U+77E2	ngao thi	ngao	tẻ thẻ
研	U+7814	khăn nghiên	khăn	nghiên nghiên nghiệm
砧	U+7827	khâm chím	khâm	châm chiêm
砭	U+782D	đầy bìm	đầy	bàm bâm bầm bẫm biêm bom bom bòm
砲	U+7832	bâu pháo	bâu	bác phao
硬	U+786C	khư ngạnh	khư	—
硯	U+786F	khó nghiên	khó	nghên nghiên nghiên
碧	U+789E	yếm nham	yếm	—
磋	U+78A7	cời bích	cời	biếc vách
磷	U+78CB	vải tha	vải	gây xay xây xoay
礬	U+78F7	co lân	co	—
礬	U+792C	trối phèn	trối	phản
示	U+793A	đình thị	đình	kì
禪	U+79AB	đệm thiện	thiện	—
禹	U+79B9	dùng vũ	dùng	—
租	U+79DF	dịp tô	dịp	to tò

稊	U+7A0A	thê đề	—	—
魯	U+7A6D	hót lúa	hót	—
筊	U+7B18	đồn chòm	đồn	chùm chũm chụm đậm
笙	U+7B19	dấm sênh	dấm	rom xòm xúm
箴	U+7B2C	nồng đề	nồng	sanh sênh sinh xênh
簾	U+7BB4	bú giảm	bú	đậy
糲	U+7C5A	gắt lờ	gắt	chăm chām dām giảm
糲	U+7CC6	à miễn	à	lơ lư lừ
紕	U+7D29	nhậu thất	nhậu	—
緡	U+7E0E	lăm gút	lăm	đệt
縶	U+7E3A	ném len	ném	cốt cột
縶	U+7E53	nhè tói	nhè	—
翎	U+7FCE	ằm liệng	ằm	trói túi
耜	U+8019	khịt bừa	khịt	liếng linh
𦍋	U+8040	giồng giắc	giồng	bà bá bỏ
𦍋	U+80D2	tiếng nây	tiếng	chắc chức nhưc thắc trác
𦍋	U+813F	óng béo	óng	sề
𦍋	U+827F	ạc nậy	ạc nậy	—
𦍋	U+82F2	nghêu rạ	nghêu	nãi nậy
莢	U+8351	sún rì	sún	—
莢	U+83B0	vay khúm	vay	di
荏	U+83CD	đặt nắm	đặt	khóm
菴	U+83D5	hăm trun	hăm	nộm núm
菴	U+8429	thềm tho	thềm	—
蓍	U+84D0	đổi nóc	đổi	thuru
蓍	U+854E	ướm kiệu	ướm	nấu nhục
𧈧	U+86E6	nhăn dơi	nhăn	kiều
𧈧	U+8752	gò nhện	gò	rì
𧈧	U+8813	chính mòng	chĩnh	dện rện
𧈧	U+888F	ven tã	ven	mông mống
躅	U+8E85	ghen xộc	ghen	tả
𨔵	U+8FCD	trêu đón	trêu	sộc trọc trọc
迢	U+8FFB	áy đưa	áy	dọn đon dọn đón trón
釵	U+91DF	ngoắt nhíp	ngoắt nhíp	truân
鉈	U+9219	nhặt chia	chia nhặt	đi đưa
鉈	U+922E	bắn nĩa	bắn	bát díp
銍	U+9299	giơ khoá	giơ	chày
銍	U+92E5	cắt xiềng	cắt	ni
鉗	U+92F2	láp beng	láp	—
鉗	U+9344	dí kiềng	dí	rinh
鎬	U+93AC	nhúm cào	nhúm	—
鎬	U+93B6	nhẹ cà	nhẹ	keng
銍	U+93D7	trét keng	trét	cào
鎔	U+9404	bịt vàng	bịt	—
鐸	U+9410	banh riu	banh	khanh
鐸	U+9412	xoá lao	xoá	hoàng
鐸	U+9430	khuân thau	khuân	liêu
鐸	U+943B	gánh cửa	gánh	—
				thao
				cự

鏢	U+9445	lông vành	lông	vạnh vòng
鑢	U+9455	sênh chặt	sênh	chất
鑛	U+9467	thoa khoan	thoa	—
霖	U+9702	đong móc	đong	mộc
顛	U+9852	dong ngóng	dong	ngong ngông ngỗng ngọng
				ngông ngưng ngừng ngừng
髅	U+9AC5	vây lâu	vây	—
鮎	U+9B89	quảng chạo	quảng	—
鯁	U+9C31	nặn lươn	nặn	liên lòn